

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 4/ 2016
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ TÊN	ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q4/2016	Số thuế chênh lệch	
				Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả
45	Chung Trần Vinh	Khoa Cơ Khí	59.298.266	27.000.000	10.800.000	1.599.228	19.899.038	1.239.903	1.485.123		245.220
46	Nguyễn Tiến Nhân	Khoa Cơ Khí	50.386.907	27.000.000	-	1.576.359	21.810.548	1.431.054	1.763.051		331.997
47	Nguyễn Tam Cương	Khoa Cơ Khí	52.680.860	27.000.000	10.800.000	1.733.700	13.147.160	657.357	2.382.065		1.724.708
48	Nguyễn Duy Hải	Khoa Cơ Khí	33.083.479	27.000.000	-	1.168.605	4.914.874	245.745	493.234		247.489
49	Trần Đình Khải	Khoa Cơ Khí	87.110.766	27.000.000	10.800.000	1.366.233	47.944.533	4.941.681	1.636.169	3.305.512	
50	Đỗ Thị Phương	Khoa Cơ Khí	43.319.367	27.000.000	10.800.000	1.920.997	3.598.370	179.919	502.522		322.603
51	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc	Khoa Cơ Khí	51.575.939	27.000.000	21.600.000	1.949.583	1.026.356	51.318	2.149.348		2.098.030
52	Trần Minh Thông	Khoa Cơ Khí	31.499.332	27.000.000	-	891.891	3.607.441	180.372	643.736		463.364
53	Phan Thị Xuân	Khoa Cơ Khí	63.742.777	27.000.000	10.800.000	1.910.019	24.032.758	1.653.276	4.463.100		2.809.824
54	Bùi Anh Tuấn	Khoa Cơ Khí	33.208.885	27.000.000	-	1.112.958	5.095.927	254.796	836.542		581.746
55	Võ Minh Quang	Khoa Cơ Khí	58.888.377	27.000.000	21.600.000	2.273.865	8.014.512	400.725	3.102.085		2.701.360
56	Võ Thúy Phương	Khoa Cơ Khí	17.720.267	-	-	-	17.720.267	1.758.040	1.758.040		-
57	Dương Minh Chung	Khoa Cơ Khí	42.939.631	27.000.000	21.600.000	1.408.845	-	-	1.556.190		1.556.190
58	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Cơ Khí	38.201.322	27.000.000	21.600.000	1.212.057	-	-	1.570.662		1.570.662
59	Trương Thị Phương Hồng	Khoa Cơ Khí	54.722.657	27.000.000	32.400.000	1.910.019	-	-	2.731.776		2.731.776
60	Trần Thị Hương	Khoa Cơ Khí	36.898.819	27.000.000	10.800.000	1.017.672	-	-	1.709.895		1.709.895
61	Vũ Quang Khải	Khoa Cơ Khí	60.228.232	27.000.000	32.400.000	1.926.486	-	-	3.193.418		3.193.418
62	Nguyễn Thành Long	Khoa Cơ Khí	31.992.274	27.000.000	10.800.000	1.212.057	-	-	587.203		587.203
63	Vũ Đức Pháp	Khoa Cơ Khí	37.393.028	27.000.000	43.200.000	1.514.613	-	-	710.879		710.879
64	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Khoa Cơ Khí	35.270.201	27.000.000	10.800.000	1.212.057	-	-	744.960		744.960
65	Phan Văn Thành	Khoa Cơ Khí	48.007.454	27.000.000	21.600.000	2.579.355	-	-	802.659		802.659
66	Nguyễn Thanh Vũ	Khoa Cơ Khí	49.429.467	27.000.000	43.200.000	1.234.926	-	-	2.816.000		2.816.000
67	Lư Thị Yến Vũ	Khoa Cơ Khí	48.288.667	27.000.000	21.600.000	1.223.493	-	-	2.903.413		2.903.413

Phòng Kế hoạch Tài chính: Thông báo đến các cá nhân có tên trong bảng danh sách phải nộp thuế TNCN trên, đến nộp tại phòng KHTC trước ngày 27/02/2017.